

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3400/2014/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 12-năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, bản, khu phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

SỞ NỘI VỤ TỈNH QUẢNG NINH

Số: 230
ĐẾN Ngày: 13.01.2015
Chuyên: P. XPC + L/ĐH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP, ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 179/2014/NQ-HĐND, ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 18 về việc quy định số lượng, chức danh, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, khu phố theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP, ngày 08/4/2013 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 1967/SNV-XDCQ ngày 30/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định ban hành kèm theo Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 12/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, khu phố:

1. Mục II được sửa đổi như sau:

"1. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

1.1 Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thực hiện mức khoán dựa trên cơ sở kết quả phân loại đơn vị hành chính cấp xã đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cụ thể:

- Đơn vị hành chính cấp xã loại 1: Bố trí không quá 14 người.
- Đơn vị hành chính cấp xã loại 2: Bố trí không quá 12 người.
- Đơn vị hành chính cấp xã loại 3: Bố trí không quá 11 người.

Đối với đơn vị hành chính cấp xã đặc thù, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, quyết định cụ thể sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.2. Các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc bố trí những người hoạt động không chuyên trách theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã trong số các chức danh dưới đây, nhưng tổng số không quá số lượng quy định cho một đơn vị cấp xã theo mức khoán, cụ thể như sau: Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra hoặc Phó chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra nếu Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra do cán bộ, công chức cấp xã kiêm; Phụ trách công tác tuyên truyền cấp ủy; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Phó trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy); Phó chỉ huy trưởng quân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Phó các đoàn thể: Thanh niên, Phụ nữ, Cựu chiến binh và Hội Nông dân (đối với những đơn vị hành chính cấp xã có quy mô lớn về sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp); phụ trách một số công tác xã hội (Dân số, gia đình và trẻ em, xóa đói giảm nghèo...); Kế hoạch, giao thông - thủy lợi, Nông, lâm, ngư nghiệp (đối với những đơn vị hành chính cấp xã có quy mô lớn về sản xuất Nông, lâm, ngư nghiệp); phụ trách công tác truyền thanh; Thủ quỹ, văn thư - lưu trữ, tạp vụ (cho cả cấp ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã)".

2. Số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố.

Mỗi thôn, bản, khu phố thực hiện mức khoán không quá 3 người được hưởng phụ cấp hàng tháng, gồm các chức danh sau:

- Bí thư chi bộ;
- Trưởng thôn, bản, khu phố;
- Trưởng Ban công tác Mặt trận.

Đối với các chức danh khác ở thôn, bản, khu phố gồm: Công an viên; Thôn, khu đội trưởng; Tổ trưởng tổ bảo vệ dân phố; Tổ viên tổ bảo vệ dân phố; Nhân viên y tế thôn, bản; Cộng tác viên hoạt động công tác xã hội, thực hiện theo các quy định hiện hành".

2. Khoản 1, 2 Mục III được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Mức phụ cấp hàng tháng:

a) Mức phụ cấp cho các chức danh không chuyên trách cấp xã.

Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn được hưởng mức phụ cấp hệ số 1,0 mức lương cơ sở.

b) Mức phụ cấp cho các chức danh không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố

- Bí thư chi bộ; Trưởng thôn, bản, khu phố hưởng mức phụ cấp hệ số 1,0 mức lương cơ sở.

- Trưởng Ban công tác mặt trận hưởng mức phụ cấp hệ số 0,8 mức lương cơ sở.

Khi nhà nước điều chỉnh mức lương cơ sở thì mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, khu phố cũng được điều chỉnh theo tương ứng.

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm:

Cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, bản, khu phố nếu kiêm các nhiệm vụ của những người hoạt động không chuyên trách khác được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm là 50% mức phụ cấp cao nhất của chức danh kiêm nhiệm".

3. Bổ sung Khoản 4, 5, 6 sau Khoản 3 Mục III, như sau:

"4. Mức khoán quỹ phụ cấp.

a) Thực hiện mức khoán quỹ phụ cấp (bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế) để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:

- Cấp xã loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 20,3 tháng lương cơ sở;

- Cấp xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,6 tháng lương cơ sở;

- Cấp xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 17,6 tháng lương cơ sở.

b) Thực hiện mức khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố như sau:

- Đối với thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản thuộc xã biên giới, hải đảo; thôn, bản ở xã thuộc vùng khó khăn về ngân sách theo quy định và thôn, bản, khu phố thuộc cấp xã loại 1, loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 5,0 tháng lương cơ sở.

- Đối với các thôn, bản, khu phố còn lại được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 tháng lương cơ sở.

5. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các thôn, bản, khu phố.

a) Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã.

Thực hiện khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Hội Cựu chiến binh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, như sau:

- Xã, phường, thị trấn loại 1 là 17 tháng lương cơ sở/1 tổ chức/1 năm.

- Xã, phường, thị trấn loại 2 là 15 tháng lương cơ sở/1 tổ chức/1 năm.

- Xã, phường, thị trấn loại 3 là 13 tháng lương cơ sở/1 tổ chức/1 năm.

Mức khoán kinh phí hoạt động (nêu trên) bao gồm toàn bộ chi phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội trừ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng

góp theo lương của cán bộ và người hoạt động không chuyên trách tại xã, phường, thị trấn.

Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn mức chi, nội dung chi cụ thể.

b) Khoản kinh phí hỗ trợ hoạt động đối với các thôn, bản, khu phố (chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ đối với các hoạt động văn hóa, thể thao hằng năm cho các đơn vị có nhà văn hóa - khu thể thao cấp thôn):

- Thôn, bản thuộc vùng khó khăn: 17 triệu đồng/thôn, bản/năm (trong đó kinh phí thực hiện Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư: 7 triệu đồng).

- Thôn, bản, khu phố còn lại: 15 triệu đồng/thôn, bản, khu phố/năm (trong đó kinh phí thực hiện Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư: 5 triệu đồng).

Giao Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã hướng dẫn mức chi, nội dung chi cụ thể.

6. Chế độ bảo hiểm y tế

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố mà chưa được hưởng bảo hiểm y tế ở các chính sách khác được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức phụ cấp hàng tháng theo quy định hiện hành".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 71/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với Phó thôn, bản, khu phố trên địa bàn tỉnh; Quy định mức phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, khu phố khi kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã và thôn, bản, khu phố.

Chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, bản, khu phố theo quy định này được thực hiện kể từ ngày 01/01/2015. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- V1, TM3, NC, VX1, VX2, TH1;
- Lưu: VT, TH3.

80 b, QĐ340

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy